TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 58/2024/QĐST- HNGĐ	*Tân Phú, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Đỗ Văn A, sinh năm: 1982

Thường trú: Thôn A, xã B, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Chổ ở: 02B Tầng 11, khối 2 Chung cư X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Lê Thị Thu B, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 02B Tầng 11, khối 2 Chung cư X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 163, quyển số 01/2011, ngày 28/9/2011).

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian trở lại đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về cuộc sống cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và công việc. Mặc dù hai bên đã cố gắng, gia đình cũng đã can thiệp nhưng cả hai vẫn không kiềm chế được cảm xúc mỗi khi cùng sống trong một nhà.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông A và bà B yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông A và bà B có 02 con chung tên Đỗ Lê Minh T, sinh ngày 07/7/2012 và Đỗ Khánh N, sinh ngày 17/11/2015. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cho bà Lê Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đỗ Văn A không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông A và bà B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Chiện và bà Trang cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn A và bà Lê Thị Thu B thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Đỗ Văn A và bà Lê Thị Thu B (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163, quyển số 01/2011, do Ủy ban nhân dân phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2022) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông A và bà B có 02 con chung tên Đỗ Lê Minh T, sinh ngày 07/7/2012 và Đỗ Khánh N, sinh ngày 17/11/2015. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cho bà Lê Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đỗ Văn A không cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông A do bà Trang không yêu cầu.

+ Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, bà B có quyền yêu cầu ông Chiện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông A và bà B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông A và bà B cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng do ông A và bà B phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông A và bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007402 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A và bà B đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thị Ngọc Phượng